

**CÔNG TY CỔ PHẦN C.A.N MEDICO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN C.A.N MEDICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: C.A.N MEDICO CORPORATION

Tên công ty viết tắt: C.A.N MEDICO CORP.

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110546137

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 10, Tháp Tây tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979639865

Fax:

Email: [canmedico23@gmail.com](mailto:canmedico23@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản)                                                                                        | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng<br>(Nghị định 67/2016/NĐ-CP, Sửa đổi bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP; Nghị định 15/2018/NĐ-CP)                            | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn mỹ phẩm, Bán buôn dược phẩm;<br>(Nghị định 102/2016/NĐ-CP, Nghị định 93/2016/NĐ-CP)                                        | 4649     |
| 4.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm                                                                        | 0128     |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết:<br>- Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm;<br>- Đóng gói bảo quản dược liệu<br>(Nghị định 155/2018/NĐ-CP, Nghị định 54/2017/NĐ-CP) | 8292     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                 | 8299     |
| 7.  | Quảng cáo<br>(Nghị định số 158/2013/NĐ-CP, Thông tư 09/2015/TT-BYT)                                                                                                                 | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm<br>(Nghị định 102/2016/NĐ-CP, Nghị định 93/2016/NĐ-CP, Nghị định 67/2016/NĐ-CP, Sửa đổi bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP; Nghị định 15/2018/NĐ-CP) | 4690        |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: bán lẻ mỹ phẩm<br>(Nghị định 93/2016/NĐ-CP)                                                                                                                    | 4719        |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng<br>(Nghị định 67/2016/NĐ-CP, Sửa đổi bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP; Nghị định 15/2018/NĐ-CP)                                           | 4722        |
| 11. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng<br>(Nghị định 67/2016/NĐ-CP, Sửa đổi bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP; Nghị định 15/2018/NĐ-CP)                                           | 1079(Chính) |
| 12. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm<br>(Nghị định 93/2016/NĐ-CP)                                                                                              | 2023        |
| 13. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại; Sản xuất hóa dược và dược liệu<br>(Nghị định 54/2017/NĐ-CP, Thông tư 35/2018/TT-BYT)                                                               | 2100        |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm<br>(Nghị định 93/2016/NĐ-CP)                                                                                                                            | 4789        |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Điều 3, Điều 4 Nghị định 163/2017/NĐ-CP; Nghị định 155/2018/NĐ-CP; Nghị định 54/2017/NĐ-CP)                                                   | 5210        |
| 16. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng<br>(Nghị định 67/2016/NĐ-CP, Sửa đổi bởi Nghị định 155/2018/NĐ-CP; Nghị định 15/2018/NĐ-CP)                                                     | 3290        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán thuốc đông ý, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Nghị định 93/2016/NĐ-CP, Nghị định 102/2016/NĐ-CP, Điều 38 Nghị định 54/2017/NĐ-CP) | 4772 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ TIẾN TRUNG       | 1B ngách 49/16 Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     | 026084004132                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                       | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CÁN THỊ HUYỀN TRANG | Thôn 4, Xã Phụng Thượng, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    | 001189042560                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                       | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | CÁN THANH HUYỀN     | Thôn 4, Xã Phụng Thượng, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 001182051102                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                       | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | CÁN THỊ THU THỦY    | 1B ngách 49/16 Trần Cung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 45,000    | 001189008785                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                       | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

